

trong nội bộ đạo Thiên chúa tới chỗ phổ cập, chữ Quốc ngữ được truyền bá bằng phương pháp cưỡng chế.

Mặt khác, để thông báo các chính sách thực dân, và ca ngợi "công ơn khai hóa, truyền bá văn minh Đại Pháp", thực dân Pháp cho báo chí phát triển ở Nam Kỳ sau rộng ra trên cả đất nước.

Tựu trung, chính sách về phương diện văn hóa của người Pháp nhằm phục vụ cho sự cai trị và các công cuộc khai thác thuộc địa của chính quốc. Nằm ngoài ý định của kẻ đi xâm lược, tác động của những chính sách này đối với diễn trình văn hóa Việt Nam giai đoạn này không phải là không có.

## **II - ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945**

Giai đoạn này có hai đặc trưng văn hóa lớn :

- Tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt-Pháp
- Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt Nam với thế giới Đông Tây.

Sự thất bại của những cuộc kháng chiến trong ba mươi năm ấy đã làm thay đổi nhận thức của tầng lớp sĩ phu, đưa đến một sự chuyển đổi cơ bản trong tính chất nền văn hóa Việt Nam giai đoạn tiếp theo.

Trong tầng lớp sĩ phu lúc bấy giờ theo chúng tôi có ba đường lối ứng xử :

1. Hoặc chống lại sự giao tiếp văn hóa Đông - Tây, hay còn gọi là cưỡng chống giao thoa. Thái độ này tàn lụi dần cùng nền văn hóa giáo dục cũ.

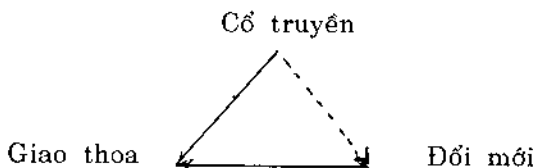
2. Hoặc đầu hàng thực dân về chính trị, cố học lấy một ít chữ Pháp, chữ Quốc ngữ Latinh và văn hóa Pháp rồi ra làm quan cho chính quyền thực dân. Đây là sự chấp nhận bị đồng hóa một cách tiêu cực.

3. Xu hướng của những nhà nho cải cách. Xu hướng của những sĩ phu nhận thức được rằng muốn tiến hành công cuộc kháng chiến để giải phóng dân tộc, bắt buộc phải tiến hành đấu tranh văn hóa, và điều cơ bản trong cuộc đấu tranh này là hình thức thâm hóa, muốn giao thoa văn hóa Đông - Tây tự nguyện.

Xu hướng muốn giao thoa văn hóa Đông - Tây tự nguyện này ở ngoài quỹ đạo chính sách văn hóa thực dân, xu hướng này cũng bị thực dân Pháp bóp chết một cách tàn bạo thẳng thừng.

Giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp tại Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Thời kì này ảnh hưởng của văn hóa tư sản phương Tây đã cùng với công cuộc khai thác thuộc địa ấy mà ngày càng tác động mạnh mẽ vào đời sống xã hội và văn hóa. Quá trình thâm hóa được tiếp tục với mục đích cuối cùng là giải phóng. Bằng quá trình tự thân vận động, bằng thâm hóa, dòng văn hóa Việt dần dần bước vào quỹ đạo hội nhập từng phần với dòng văn hóa hiện đại để dần dần trở thành hiện đại.

Theo chúng tôi, nền văn hóa Việt Nam trong 100 năm tiếp xúc giao lưu với văn hóa phương Tây diễn biến quanh cái tương quan tam giác tính Cổ truyền - Giao thoa - Đối mới.



### 1. Hệ tư tưởng

Là tấm gương phản chiếu nhiều mặt đời sống và nếp sống của một cộng đồng, một dân tộc, ở trung tâm của văn hóa quyền, hệ tư tưởng cũng được xem là một hệ văn hóa. Sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và phương Tây tạo ra sự

chuyển mình của hệ tư tưởng Việt Nam từ 1858 đến năm 1945 diễn ra trong một thời kì đầy biến động lớn về tư tưởng và chính trị. Gần một trăm năm, ở Việt Nam đã tồn tại và xuất hiện nhiều hệ tư tưởng khác nhau, tác động lẫn nhau, hòa hợp lẫn nhau, tự biến dạng do khúc xạ qua môi trường xã hội v.v..., tạo nên một trường tư tưởng hệ rất phức tạp.

Trên mặt bằng lịch sử, các hệ tư tưởng vào Việt Nam từ hàng nghìn năm trước vẫn tồn tại ở xã hội mà căn bản vẫn là xóm làng với những người nông dân trồng lúa nước. Dù có biết bao biến động trăm luân trên bề mặt lịch sử thì hệ tư tưởng của họ vẫn là hệ tư tưởng thần thoại với một hệ thống thần linh đa dạng.

Nho giáo tồn tại như một hệ tư tưởng có vị thế đặc biệt ở nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn bây giờ không giúp các nho sĩ trả lời được những câu hỏi lớn của thời đại. Những phong trào Văn thân, Cần Vương dưới ánh sáng của tư tưởng Nho giáo không giúp các nho sĩ tìm được con đường cứu nước. Nói cách khác, yêu nước chống Pháp kiểu này là bảo thủ, nên đã thất bại. Các nho sĩ thế hệ sau với tấm lòng yêu nước của mình đã tổ chức cuộc vận động giải phóng dân tộc theo một hệ tư tưởng khác. Trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản qua tân thư và tân văn Trung Quốc như *Ấm băng thát*, *Trung Quốc hồn*, *Mậu Tuất chính biến*, *Tân Dân tuyền báo* v.v..., của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, các thuyết về nhân đạo, dân quyền của những nhà phát ngôn của giai cấp tư sản Pháp lúc đang lên như Rút-xô (Rousseau), Mông-tê-xki-ơ (Montesquieu), Vôn-te (Voltaire) được truyền vào Việt Nam. Tự cảnh tỉnh để đổi mới, tìm một con đường đi khác, các nhà nho đã từ biệt hệ tư tưởng quen thuộc của bao nhiêu thế hệ trước. Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhân chứng tiêu biểu. Với Duy tân hội : ông còn giữ tư tưởng quân chủ. Với Việt Nam Quang Phục hội ông đã chuyển sang tư tưởng dân chủ. Sau khi gặp gỡ Nguyễn Ái Quốc, và ở cuối đời, ông còn viết sách về chủ nghĩa xã hội. Đi từ hình mẫu này sang hình mẫu khác, ước nguyện duy nhất của Phan Bội Châu vẫn chỉ là giành lại quyền độc lập dân tộc.

Tiêu biểu cho xu hướng này chính là các nhà nho lập ra phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền. Tiếp nhận tư tưởng văn hóa phương Tây qua "máy lọc" tư tưởng và văn hóa Trung Hoa, các nhà nho này đã từ bỏ sự lạc hậu, đến với sự cách tân :

*Phen này cắt tóc đi tu*

*Tung kinh độc lập ở chùa Duy Tân.*

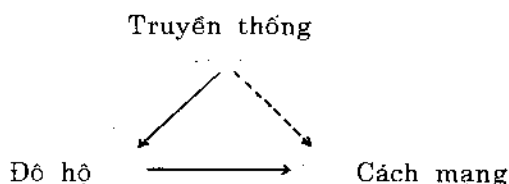
Do vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục vận động học chữ Quốc ngữ, hô hào thực nghiệp, bài trừ tục mê tín, dị đoan... thể hiện rõ nét là *Văn minh tân học sách*, tác phẩm đã nêu lên 6 yêu cầu cần đạt tới là : dùng chữ Quốc ngữ, hiệu đính sách vở, sửa đổi phép thi, cổ vũ nhân tài, chấn hưng công nghệ, phát triển báo chí, ngoài việc góp phần tích cực vào sự phát triển văn hóa dân tộc, ngôn ngữ và văn tự Việt Nam, Đông Kinh Nghĩa Thục đánh dấu sự chuyển biến tư tưởng của các nhà nho Việt Nam, khẳng định Khổng Mạnh không còn là tư tưởng của một lớp người như giai đoạn trước. Sự thay đổi này, đưa đến những nét mới của đời sống văn hóa tư tưởng. Trong quan niệm của các nhà nho "canh tân", yêu nước gắn liền với yêu dân. Văn minh tân học sách nhấn mạnh : "Văn minh là chủ nghĩa mở trí khôn cho dân" và "chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, mở rộng dân quyền, cải thiện dân sinh". Mặt khác, yêu nước gắn liền với đoàn kết dân tộc, thống nhất đất nước. Như vậy, nhìn trong quan hệ với tư tưởng Nho giáo quen thuộc, các nhà nho đã có sự chia tay với chính nó. Nói cách khác là Nho giáo đã mất dần vai trò lịch sử. Sau khi thực dân Pháp chính thức bãi bỏ việc thi cử bằng chữ Hán, cùng với sự mất đi của vai trò Nho giáo, nho sĩ cũng mất dần vai trò trong đời sống lịch sử.

Công cuộc khai thác thuộc địa lần một, lần hai khiến cho xã hội Việt Nam có thêm tầng lớp tiểu tư sản thành thị. Được tiếp xúc với những sách báo có nội dung yêu nước và tiến bộ, nhiều trí thức, học sinh, sinh viên đã nhận ra những cảnh áp bức, miệt thị của thực dân Pháp đối với người dân Việt Nam.

Câu hỏi lớn nhất của thời đại khiến tầng lớp này đi tìm một hệ tư tưởng có thể giúp họ cứu được dân, được nước. Tư tưởng Tam Dân của Tôn Trung Sơn không phải không có lúc họ đã tìm đến. Nhưng rồi tầng lớp này cũng không trả lời được câu hỏi lớn nhất của thời đại.

Từ tấm lòng yêu nước, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin rồi truyền bá vào Việt Nam. Giai cấp công nhân ngày càng phát triển và ngày càng giác ngộ về mình. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ngày càng lan rộng và có tổ chức. Ba tổ chức cộng sản ra đời ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ để rồi ngày 3-2-1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu "một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng."<sup>(1)</sup> đồng thời nó cũng khẳng định sự hiện diện của một hệ tư tưởng mới ở Việt Nam.

Vì vậy, theo chúng tôi nên chính trị từ năm 1858 đến năm 1945 diễn biến quanh tương quan tam giác chính : Truyền thống - Đô hộ - Cách mạng, đi thẳng từ truyền thống đến cách mạng như sơ đồ sau.



## 2. Văn hóa vật chất

Ngay từ đầu, người Pháp đã triển khai phát triển đô thị, công nghiệp và giao thông, đương nhiên là với mục đích rất rõ ràng : khai thác thuộc địa. Từ cuối thế kỉ XIX, tính chất của

(1) Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Nxb Sự thật, 1980, tr.152.

đô thị ở Việt Nam không còn như trước đây nữa. Tính chất là một trung tâm chính trị văn hóa không còn đậm đặc như trước, tính chất là một trung tâm công - thương nghiệp đã rõ nét hơn. Đầu thế kỉ XX, Hà Nội đã là một đô thị sầm uất, có nhiều người buôn bán, tập trung các nhà máy, sở giao dịch, trụ sở các công ti. Hải Phòng trở thành một hải cảng lớn thứ hai ở Đông Dương. Ở phía Nam, Sài Gòn - Chợ Lớn trở thành một đô thị của công nghiệp, thương nghiệp. Rải rác trên cả nước các thị trấn, thị xã như Nam Định, Hải Dương, Hồng Gai, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Biên Hòa, Mỹ Tho dần phát triển.

Sự phát triển các đô thị dẫn đến sự phát triển của kiến trúc đô thị. Các kiến trúc kiểu Tây phương được đưa vào Việt Nam, nhưng được Việt Nam hóa khiến các công trình này không "lạc điệu" giữa những công trình kiến trúc cổ truyền. Chẳng hạn toà nhà của trường Đại học Đông Dương (nay là trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Viễn Đông Bác Cổ (nay là Viện Bảo tàng Lịch sử), Bộ Ngoại giao, Phủ Toàn quyền, Thư viện Quốc gia... ở Hà Nội. Hệ thống mái ngói, bố cục kiểu tam quan, mái hiên, mái che cửa sổ ra xa để tránh nắng chiếu và mưa hắt khiến cho các công trình này ăn nhập với môi trường xung quanh. Ở thành phố Sài Gòn, toà Đô Chánh (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố), được xây từ năm 1898, dù đặt viên đá đầu từ năm 1873, đến năm 1909 mới hoàn thành, Tòa án được xây từ năm 1891 đến năm 1895 thì hoàn thành v.v... Các công trình kiến trúc đô thị Sài Gòn chia thành hai giai đoạn : giai đoạn bình định bằng bạo lực, kiến trúc được "bé nguyên xỉ nghệ thuật địa phương mà họ khinh miệt."<sup>(1)</sup> Nhưng ở giai đoạn sau "các công trình kiến trúc, văn hóa, xã hội đã chú ý hơn đến yếu tố địa lí, khí hậu và nghệ thuật địa phương."<sup>(2)</sup>

---

(1) *Địa chỉ văn hóa TP. Hồ Chí Minh*, Trần Văn Giàu. Trần Bạch Đằng chủ biên. NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1990. tr.420.

(2) *Địa chỉ văn hóa TP. Hồ Chí Minh*, Sđd tr.420.

Cùng với sự phát triển của đô thị trong hơn một trăm năm là sự phát triển giao thông vận tải, hàng chục vạn dân phu, dân đinh Việt Nam được huy động để tạo ra hệ thống cầu đường. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã tạo ra những con đường liên tỉnh dài tới 20 ngàn km. Đường thủy, nhất là ở Nam Bộ được tu bổ, khai thông tới năm 1914 tổng số độ dài đường thủy đã tới 1745 km. Đường sắt là một phương tiện giao thông quan trọng phục vụ đắc lực cho cuộc khai thác thuộc địa nên được người Pháp chú trọng đầu tư. Bắt đầu là đường Sài Gòn - Mỹ Tho dài 71 km và Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn dài 58 km. Tới năm 1912, hệ thống đường sắt ở Việt Nam đã hình thành với 2059 km. Đường sắt Hà Nội - Sài Gòn được hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1936.

Hệ thống đường sá và đô thị phát triển tạo cho diện mạo văn hóa vật chất giai đoạn này có những khác biệt so với các giai đoạn trước.

### 3. Báo chí ra đời và phát triển

Khởi điểm để báo chí ra đời ở Việt Nam là từ ý đồ của thực dân Pháp cần có một thứ vũ khí nhằm tuyên truyền cho chính quyền thuộc địa. Do vậy, báo chí ra đời ở Sài Gòn trước tiên. Lúc đầu là tờ báo bằng tiếng Pháp *Le Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine* và tờ *Le Bulletin des communes* bằng chữ Hán. Ngày 15-4-1865, tờ *Gia Định báo* ra đời. Sau tờ *Gia Định báo* là tờ *Phan yên báo*. Năm 1888, tờ *Thông loại khóa trình* của Trương Vĩnh Ký được phát hành. Năm 1901, tờ báo thứ ba bằng chữ Quốc ngữ ra mắt bạn đọc là tờ *Nông cổ mín đàm*. Sau đó, tờ *Lục tỉnh tân văn* ra mắt bạn đọc số đầu ngày 15-11-1907. Giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, ở Sài Gòn, báo chí ra đời rất nhiều như *Nữ giới chung*, *Phụ nữ tân văn*, *Đuốc nhà Nam* v.v...

Ở Hà Nội, có các báo bằng chữ Quốc ngữ như *Đông cổ tùng báo*, *Hữu Thanh*, *Thực nghiệp dân báo*, *Nam phong*, *Trung Bắc tân văn* v.v...

Nói chung, những tờ báo bằng chữ Quốc ngữ ở cả ba miền trong thời kì này, dù vô tình hay hữu ý đều góp phần vào sự phát triển của văn học chữ Quốc ngữ.

Ngoài những tờ báo bằng chữ Quốc ngữ, một thế kỉ này ở cả ba đô thị : Hà Nội, Huế, Sài Gòn đều có những tờ báo bằng chữ Pháp, có thể đó là những tờ báo của chính quyền thuộc địa nhằm phục vụ chính quyền đó, nhưng cũng có thể có những tờ báo tiên bộ chẳng hạn như tờ *L'Annam*, tờ *La Cloche fêlée* (Chuông rè) ở Sài Gòn, tờ *Notre voix* (Tiếng nói của chúng ta), tờ *Le Travail* (Lao động), tờ *Rassemblement* (Tập hợp), tờ *Enavant* (Tiến lên) ở Hà Nội trong thời kì 1936-1939.

Trong giai đoạn từ năm 1858 đến năm 1945, việc dùng chữ Quốc ngữ để làm báo đã là bước đột biến của diễn trình văn hóa. Nhìn ở phương diện ngôn ngữ văn tự, đây là một bước đột biến. Nhìn ở phương diện lịch sử báo chí, đây cũng là một bước đột biến.

#### 4. Bước chuyển mình của văn học

Sau khi đã phát triển tới đỉnh cao rực rỡ ở thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX, văn học ở nửa sau thế kỉ XIX, đi vào cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu là người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận này. Cùng với ông là một thế hệ các nhà văn thơ yêu nước như Phan Văn Trị, Hồ Huân Nghiệp, Đoàn Hữu Trưng, Phạm Văn Nghị v.v... Sau đó là thế hệ Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương v.v...

Sau thế hệ này là thế hệ các nhà nho như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền v.v... về phương diện chính trị, văn học lúc này là một thứ vũ khí của quần chúng để chống kẻ thù cướp nước, cổ động cho sự tiến bộ xã hội. Do tác động khách quan, văn học giai đoạn này đã có bước phát triển nhanh chóng cả về nội dung và hình thức.

Trước hết là sự sử dụng chữ Quốc ngữ để sáng tác văn học. Với việc phổ biến chữ Quốc ngữ, mảng văn học bằng chữ Quốc



ngữ đã phát triển. Ban đầu, chữ Quốc ngữ được dùng để phiên âm các sách chữ Nôm, chữ Hán, chữ Pháp. Hàng loạt các tác phẩm chữ Hán như *Đại học*, *Trung dung*, *Kinh thi*, *Minh tâm bảo giám v.v...*, các truyện thơ Nôm như *Truyện Kiều*, *Nhị Độ Mai*, *Lục Vân Tiên v.v...*, các truyện dân gian, câu hò, câu hát được ra mắt bạn đọc bằng chữ Quốc ngữ ở Nam Bộ. Không thể không ghi công đầu cho một số trí thức ở Nam Bộ cuối thế kỉ XIX như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Phong Sắc, Phụng Hoàng Sang, Bùi Quang Nho, Khấu Võ Nghi v.v..., trong lĩnh vực này.

Mặt khác là sự phát triển của những sáng tác bằng chữ Quốc ngữ, như kỉ sự là thể loại sớm ra đời với tác phẩm *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (1876) của Trương Vĩnh Ký ; tiểu thuyết bằng chữ Quốc ngữ cũng ra đời ở Nam Bộ sớm nhất. Đầu tiên phải kể tới *Truyện thầy Lazarô Phiên* của Nguyễn Trọng Quản, nếu coi đây là một truyện dài, một tiểu thuyết bằng chữ Quốc ngữ thì nó đã ra mắt bạn đọc từ năm 1887. Sau đó là *Phan yên ngoại sử tiết phu gian truân* của Trương Duy Toàn ra mắt bạn đọc vào năm 1910. Cũng năm này Trần Chánh Chiêu có *Hoàng Tố Anh hàm oan*. Thập niên hai mươi của thế kỉ XX, tiểu thuyết bằng chữ Quốc ngữ có khá nhiều tác giả : Phạm Duy Tốn với truyện ngắn *Sống chết mặc bay* (1918). Đó là Tân Dân Tử với *Giọt máu chung tình* (1926), là Lê Hoàng Mưu với *Hà Hương phong nguyệt* (1915), *Oán hồng quần* (1920), *Tô Huệ Nhi ngoại sử* (1920), *Oan kia theo mãi* (1922), là Nguyễn Chánh Sắt với *Nghĩa hiệp kì duyên* (1919), *Gái trả thù Cha* (1920), là Hồ Biểu Chánh với *Chúa Tàu Kim Quy* (1922), *Cay đắng mùi đời* (1923), *Tình mộng* (1923), *Nhơn tình âm lạnh* (1925). Những tác giả này ở Sài Gòn, trong khi đó, ở Hà Nội, Nguyễn Trọng Thuật có *Quả dưa dỏ* (1925), Hoàng Ngọc Phách có *Tổ Tâm* (1925).

Vào thập niên ba mươi, bốn mươi, văn xuôi bằng chữ Quốc ngữ đã có một bước tiến bộ vượt bậc. Nhóm Tự lực văn đoàn

với Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo v.v... , đã cho ra mắt bạn đọc một loạt tác phẩm như *Nửa chừng xuân*, *Đoạn tuyệt*, *Đời mưa gió*, *Bướm trắng* v.v... Bên cạnh nhóm Tự Lực văn đoàn là các nhà văn hiện thực phê phán như Ngô Tất Tố với *Tắt đèn*, Nam Cao với *Chí Phèo*, Vũ Trọng Phụng với *Giông tố*, *Số đỏ* v.v... Sự trong sáng của tiếng Việt trong các tác phẩm này là bước tiến của văn xuôi bằng chữ Quốc ngữ. Cùng với kí, tiểu thuyết là thơ. Phong trào thơ mới xuất hiện với một loạt tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử v.v..., khẳng định sự chuyển mình của văn học Việt Nam theo hướng hiện đại, sự thay thế vẻ vang của văn học bằng chữ Quốc ngữ trong đời sống văn hóa.

Mặt khác, sự chuyển mình của văn học Việt Nam giai đoạn này không chỉ ở phương diện hình thức. Cái tôi cá nhân, sự ý thức về cá nhân, tình yêu lứa đôi xuất hiện trong các tiểu thuyết của nhóm Tự lực văn đoàn, trong các tập thơ của các nhà thơ mới là một hiện tượng mới trong văn hóa Việt Nam. Chưa bao giờ tiếng nói từ hạnh phúc cá nhân lại chói bóng như vậy trong văn học Việt Nam :

*Mau lên chứ. Vội vàng lên với chứ*

*Em, em ơi tình non sắp già rồi.*

Tuy nhiên, nhìn ở phương diện công dân, sáng tạo của nhóm Tự lực văn đoàn, của phong trào thơ mới, quả có ý nghĩa như đồng chí Trường Chinh nhận định : "một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa".

Cùng với những tác giả, tác phẩm này, sự xuất hiện của hệ tư tưởng Mác xít trong đời sống văn hóa đã dẫn tới sự xuất hiện của bộ phận các tác giả cách mạng. Thời kì từ 1931 - 1935 là cuộc đấu tranh giữa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và các quan điểm đối lập. Trên tờ *Phụ nữ thời đàm*, đồng chí Hải Triều đã viết nhiều bài về nguyên lí, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Năm 1943, Đảng Cộng sản Đông Dương đưa ra *Đề cương*